



TMT - KC KC 850D

 **TẢI TRỌNG: 8 TẤN**



NỘI THẤT

TIỆN NGHI, SANG TRỌNG VÀ HIỆN ĐẠI



- Nội thất được trang bị hệ thống điều hòa, đài FM, cổng sạc tàu thuốc
- Đồng hồ trung tâm tích hợp màn hình LCD hiện đại hiển thị đầy đủ thông tin
- Trang bị kính điện tiện lợi cho người dùng





Động cơ Yuchai

KC 850D được trang bị động cơ Yuchai Diesel, 4 kì, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước



Cụm đèn pha thiết kế hiện đại và dải led định vị ban ngày



Mặt ca lăng với các thanh mạ chrome bắt mắt



Cầu sau 6,5 tấn tỉ số truyền 6,33



Treo trước sau kiểu phụ thuộc, 8 là nhíp trước, 12 là nhíp sau và 8 là nhíp phụ, giảm chấn thủy lực



Hệ thống ben HG-F160x600; đường kính 160mm

Khung xe chịu lực 2 lớp 8+5 (mm) chắc chắn giúp xe di chuyển ổn định trên các cung đường xấu



THÔNG SỐ KỸ THUẬT KC 850D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATION	
KIỂU LOẠI XE	
Loại phương tiện	Ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu	TMT CNHTC
Mã kiểu loại	KC10385D-E4
Công thức bánh xe	4x2
KHỐI LƯỢNG (kg)	
Khối lượng bản thân	5605
Khối lượng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép TGGT lớn nhất	8200/8200
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/ cho phép TGGT lớn nhất	14000/14000
Số người cho phép chở, tính cả người lái	3(195kg)
KÍCH THƯỚC (mm)	
Kích thước bao (dài x rộng x cao)	5920x2500x2620
Kích thước lòng thùng	3760x2290x750
Khoảng cách trục	3300
Vết bánh xe trước/sau	1765/1710
Vết xe bánh sau phía ngoài	2010
ĐỘNG CƠ	
Kiểu loại động cơ	YC4D140-48
Nhiên liệu, xi lanh, làm mát	Diesel, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước
Thể tích làm việc (cm³)	4214
Công suất lớn nhất (kW)/ Tốc độ quay (v/ph)	103/2800
Tiêu chuẩn khí thải	Euro 4
HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC VÀ CHUYỂN ĐỘNG	
Kiểu loại/dẫn động ly hợp	Đĩa ma sát khô/Dẫn động thuỷ lực, trợ lực khí nén
Mã hiệu/loại/số cấp tiến - lùi/điều khiển hộp số	653H-226D-80/Hộp số cơ khí/6 số tiến + 1 số lùi/Cơ khí
Vị trí cầu chủ động	Cầu sau
Cầu trước	LS30G000-045W02
Cầu sau	LS24C633-100W02; 10 tấn; tỉ số truyền 6,33
Lốp	9.00-20
HỆ THỐNG TREO	
Hệ thống treo trước	8 lá
Hệ thống treo sau	Nhíp chính 12 lá, nhíp phụ 8 lá
HỆ THỐNG LÁI	
Mã hiệu	3401YJ-010BX
Loại cơ cấu lái	Trục vít ê cu bi
Trợ lực	Trợ lực thuỷ lực
HỆ THỐNG PHANH	
Hệ thống phanh chính	Tang trống
Loại cơ cấu phanh	Khí nén
THÂN XE	
Cabin	Cabin lật
Loại thân xe	Khung xe chịu lực 2 lớp 8+5 (mm)
Chassis (mm)	240x65x(8+5) (mm)
Loại dây đai an toàn cho người lái	Dây đai 3 điểm
THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG	
Hệ thống Ben	HG-F160x600; đường kính 160mm
KHÁC	
Màu sắc	Tùy chọn
Loại ắc quy/Điện áp dung lượng	02x12Vx100Ah
Dung tích thùng dầu (lít)	140 lít
Tiêu hao nhiên liệu	Tùy cung đường và tải trọng